

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Mỹ N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp BH, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Phước Đ và bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N thống nhất xác định: Anh Đ và chị N xây dựng hôn nhân vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2014, Quyền số 01/2014 ngày 03 tháng 9 năm 2014. Quá trình chung sống, anh Đ và chị N không có con chung, không tạo lập được tài sản chung nào khác ngoài số vàng 05 chỉ vàng 24k và không có nợ chung.

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2021 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, nguyên đơn anh Nguyễn Phước Đ trình bày: Trong thời gian chung sống, anh Đ và chị N thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi nhau dẫn đến sau khi chung sống được 02 tháng chị N đã về

nhà cha mẹ ruột của chị N sống, anh Đ có về nhà cha mẹ ruột của chị N để hàn gắn nhưng không được nên anh Đ và chị N đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị N. Tài sản chung hiện do chị N quản lý nhưng anh Đ xác định tự thỏa thuận với chị N, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 4 năm 2021, bị đơn chị Huỳnh Thị Mỹ N trình bày: Quá trình chung sống, chị N và anh Đ xảy ra nhiều xung đột, mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi dẫn đến bất đồng không thể hòa giải, hàn gắn được do tính cách và suy nghĩ của hai bên quá khác biệt nên sau 02 tháng chung sống, chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay và trong thời gian chị N về nhà cha mẹ ruột sống thì hai bên không liên hệ hàn gắn tình cảm. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị N cũng đồng ý ly hôn, không yêu cầu đoàn tụ. Chị N không quản lý tài sản chung của chị N và anh Đ và cũng không yêu cầu giải quyết; chị N và anh Đ không có con chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị N; về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Anh Đ phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đ yêu cầu ly hôn với chị N và hiện nay chị N cư trú tại ấp BH, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Đ và chị N đều có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị N.

[2] Về nội dung: Anh Đ và chị N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2014, Quyền số 01/2014 ngày 03 tháng 9 năm 2014 nên hôn nhân giữa anh Đ và chị N là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Về hôn nhân: Anh Đ xác định trong thời gian chung sống anh Đ và chị N thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi nhau dẫn đến sau khi chung sống được 02 tháng chị N đã về nhà cha mẹ ruột sống, anh Đ có về nhà cha mẹ ruột chị N để hàn gắn nhưng không được nên anh Đ và chị N đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị N. Chị N xác định quá trình chung sống, chị N và anh Đ xảy ra nhiều xung đột, mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi dẫn đến bất đồng không thể hòa giải, hàn gắn được do tính cách và suy nghĩ của hai bên quá khác biệt nên sau 02 tháng chung sống, chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay và trong thời gian chị N về nhà cha mẹ ruột sống thì hai bên không liên hệ hàn gắn tình cảm. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn thì chị N cũng đồng ý ly hôn, không yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Đ và chị N và sự tự nguyện thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Đ và chị N theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh Đ và chị N thống nhất chung sống không có con chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ và chị N thống nhất xác định không tạo lập được tài sản chung nào khác ngoài số vàng 05 chỉ vàng 24K, nhưng anh Đ và chị N đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ và chị N thống nhất xác định anh Đ và chị N không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, anh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Anh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008555 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1 Phần II Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phước Đ và chị Huỳnh Thị Mỹ N.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Phước Đ và chị Huỳnh Thị Mỹ N thống nhất không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Phước Đ và chị Huỳnh Thị Mỹ N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Phước Đ và chị Huỳnh Thị Mỹ N thống nhất không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, anh Nguyễn Phước Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Phước Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008555 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Xuyên